TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 267/2018/DS-PT
Ngày: 06-8-2018
V/v tranh chấp "Thừa kế"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Sâm Hương.

Các Thẩm phán: Ông Mai Hoàng Khải.

Bà Trần Thị Kim Em.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Thanh Tuyền, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:*** Bà Hà Ngọc Thư Trúc - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 30 tháng 7 và ngày 06 tháng 8 năm 2018 tại Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 160/2018/TLPT-DS ngày 03 tháng 7 năm 2018 về việc tranh chấp "Thừa kế".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 45/2018/DS-ST ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 204/2018/QĐ-PT ngày 10 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Đặng Văn M, sinh năm 1974; Địa chỉ: số 6, ấp B, xã T, huyện GC, tỉnh Tiền Giang. (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh Mười: Luật sư Lê Thành Đ thuộc Chi nhánh Văn phòng luật sư B-Đoàn luật sư thành phố Cần Thơ. (có mặt)

- *Bị đơn:* Chị Đặng Thị Mỹ H, sinh năm 1977; Địa chỉ: Ấp G, xã L, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của chị H: Huỳnh Ngọc T, sinh năm 1966; Địa chỉ: Ấp H, xã L, thị xã G, tỉnh Tiền Giang. (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Đặng Thị B, sinh năm 1957; Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện GC, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bà B: Anh Đặng Văn M, sinh năm 1974; Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện GC, tỉnh Tiền Giang. (có mặt)

2. Bà Đặng Thị T, sinh năm 1962; Địa chỉ: Ấp G, xã T, huyện GC, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bà T: Anh Đặng Văn M, sinh năm 1964; (có mặt)

3. Bà Đặng Thị C, sinh năm 1963; Địa chỉ: Ấp G, xã L, thị xã G, tỉnh Tiền Giang. (có mặt)

4. Bà Đặng Thị V, sinh năm 1967; Địa chỉ: Ấp G, xã L, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bà V: Anh Đặng Văn M, sinh năm 1964; (có mặt)

5. Chị Đặng Thị Mỹ L, sinh năm 1975; Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện GC, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bà chị L: Anh Đặng Văn M, sinh năm 1964; (có mặt)

6. Ông Đặng Văn S, sinh năm 1965; Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện GC, tỉnh Tiền Giang. (có mặt)

7. Ông Đặng Văn T, sinh năm 1969; Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện GC, tỉnh Tiền Giang. (có mặt)

8. Anh Đặng Văn C, sinh năm 1972; Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện GC, tỉnh Tiền Giang. (có mặt)

9. Chị Đặng Thị Ngọc C, sinh năm 1972; Địa chỉ: 204/105 Bis ĐVB, phường 14, quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh. (xin vắng mặt)

10. Chị Đặng Thị Ngọc T, sinh năm 1976; Địa chỉ: 391/54 đường H, khu phố 2, phường T, quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. (xin vắng mặt)

11. Anh Đặng Hoàng M, sinh năm 1980; Địa chỉ: 204/105 Bis ĐVB, phường 14, quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh. (xin vắng mặt)

12. Anh Trần Đức H, sinh năm 1990; Địa chỉ: Ấp H, xã L, thị xã G, tỉnh Tiền Giang. (xin vắng mặt)

13. Bà Trần Thị C, sinh năm 1956; Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện GC, tỉnh Tiền Giang. (xin vắng mặt)

- *Người làm chứng:*

1. Huỳnh Đình T, sinh năm 1980. Địa chỉ: Ấp H, xã L, thị xã G, tỉnh Tiền Giang. (Xin vắng mặt)

2. Trần Thị D, sinh năm 1967. Địa chỉ: 206 P, khu phố 3, phường 2, thị xã G, Tiền Giang. (Xin vắng mặt)

3. Lê Minh P, sinh năm 1967. Địa chỉ: Ấp V, xã L, thị xã G, Tiền Giang. (Xin vắng mặt)

4. Nguyễn Thị X, sinh năm 1944. Địa chỉ: Ấp G, xã T, huyện GC, tỉnh Tiền Giang. (Xin vắng mặt)

5. Phan Văn N, sinh năm 1966. Địa chỉ: 1702-1704 đường V, phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. (Xin vắng mặt)

- *Người kháng cáo*: Nguyên đơn Đặng Văn M, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đặng Thị B, Đặng Thị T, Đặng Thị C, Đặng Thị V, Đặng Văn T, Đặng Thị Mỹ L.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo án sơ thẩm, anh Đặng Văn M là nguyên đơn và là người đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đặng Thị B, Đặng Thị T, Đặng Thị V, Đặng Thị Mỹ L có yêu cầu độc lập trình bày*:

Ông Đặng Văn V, chết năm 2016 và bà Phan Thị L, chết năm 2013; Ông V, bà L có tất cả là 11 người con gồm: Đặng Văn B, chết năm 2016, ông B có vợ là bà Trần Thị C và có 03 người con là Đặng Thị Ngọc C, Đặng Thị Ngọc T, Đặng Hoàng M; Đặng Thị B; Đặng Thị T; Đặng Thị C; Đặng Thị V; Đặng Văn S; Đặng Văn T; Đặng Văn C; Đặng Văn M; Đặng Thị Mỹ L; Đặng Thị Mỹ H. Ông V, bà L chết không để lại di chúc. Di sản để lại gồm có: 01 căn nhà chính: Cấu trúc 02 tầng, cột bê tông, vách tường, nền gạch bông, sàn bê tông, mái bê tông. Diện tích tầng trệt là 84.96 m^2. Diện tích tầng lầu là 77.74 m^2. Tổng diện tích là 162.7 m^2; Nhà phụ; Hàng rào lưới B40 phía trước nhà. Nhà thuộc thửa đất số 06, tờ bản đồ số 02, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà tài sản trên đất số C do Ủy ban nhân dân thị xã G cấp ngày 30 tháng 6 năm 2015 cho chị Đặng Thị Mỹ H đứng tên, nhà tọa lạc ấp G, xã L, thị xã G, tỉnh Tiền Giang. Cha anh M chỉ tặng cho chị H đất chứ không tặng cho nhà. Ngoài nhà, cha mẹ anh M còn để lại các tài sản khác trong nhà gồm 01 tủ thờ bằng gỗ 03 trụ không cẩn; 02 bộ chân đèn bằng gỗ; 01 tủ búp phê bằng gỗ đã cũ; 01 bộ lư bằng đồng; 01 bộ bàn ghế gỗ hình chữ U có 06 ghế; 02 tủ gỗ chứa quần áo đã cũ; 02 tủ ly bằng gỗ cũ, bể kiếng; 02 đi văng bằng gỗ đã cũ; 04 cái hồ chứa nước đã cũ;

Trên đất có: Mái che là của chị C; Hàng rào bê tông là của chị H. Hiện nay tài sản này do chị H quản lý.

- Chi phí nấu đám tang ông V: Là do chị C trả số tiền là 10.000.000 đồng để nấu đám, đãi khách; Tiền xây mồ là 20.000.000 đồng do anh họ là Phạm Văn N cho. Tiền mua quan tài tẩn liệm, cúng chùa: Là do trước đây khi cha mẹ còn sống, chị C tham gia chương trình từ thiện chung tay góp sức của chùa Phước Quang, mỗi tháng chị C đóng phí cho chùa Phước Quang là 300.000 đồng gồm chị C, cha, mẹ (*Mỗi người mỗi tháng 100.000 đồng*) nên khi cha mẹ chết thì chùa sẽ đứng ra tài trợ miễn phí tiền quan tài, tẩn liệm và cúng. Do vậy chị H

cho rằng chị đã trả tiền chi phí cho chùa 40.000.000 đồng là tự ý của chị thì chị chịu.

Yêu cầu chia di sản của ông V, bà L chết để lại làm 11 kỷ phần. Mỗi người hưởng 01/11 kỷ phần thành tiền là 44.674.473 đồng. Thống nhất giá trị theo kết quả mà Hội đồng định giá đã định. Việc yêu cầu chia là để được thờ cúng cha mẹ với các căn cứ sau: Ông V không làm thủ tục tặng cho nhà, tài sản trong nhà cho chị H; Chị H chưa được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà;

** Bị đơn chị Đặng Thị Mỹ H và người đại diện theo ủy quyền của chị H là anh Huỳnh Ngọc T trình bày:*

Ngày 06 tháng 10 năm 2003, ông Đặng Văn V được Ủy ban nhân dân thị xã G cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A-QSDĐ/LT với diện tích 2.943 m^2 gồm 02 thửa: Thửa 363 diện tích 2.500 m^2 đất lúa; thửa 2 diện tích 443 m^2 đất vườn trong đó có 230 m^2 đất ở.

Ngày 07 tháng 8 năm 2012, chị H là người được ông V, bà L đồng ý cho đo đạc phần đất vườn+ ở. Khi đo đạc đất thì anh C và bà V có ký tên thống nhất ranh giới.

Ngày 10 tháng 8 năm 2012, ông V và bà L thống nhất làm hợp đồng tặng cho chị H toàn bộ diện tích 2.943 m^2 đất này, trên đất có căn nhà kiên cố và công trình hàng rào lưới B40. Hai bên ký hợp đồng tặng cho tại Phòng công chứng số B tỉnh Tiền Giang.

Ngày 06 tháng 9 năm 2012, chị H được Ủy ban nhân dân thị xã G cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; sau đó chị H chuyển nhượng toàn bộ phần đất lúa cho người khác để lấy tiền chăm sóc, nuôi ông V;

Ngày 30 tháng 6 năm 2015, chị H được Ủy ban nhân dân thị xã G cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thửa 06, tờ bản đồ 02, diện tích 351,7m^2 trong đó có 230m^2 đất ở tại nông thôn và 121.7m^2 đất trồng cây lâu năm. Trên Giấy chứng nhận có sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;

Ông V, bà L chết không có di chúc và trước khi chết thì có họp gia đình thống nhất tặng cho chị H nhà, tài sản trên đất, vật dụng trong nhà như nguyên đơn trình bày.

Việc này được anh S, anh C, chị H, bà C, anh M, chị T, chị C thống nhất.

Chị H là người trực tiếp chăm sóc ông V, bà L cũng như thờ cúng ông bà từ lúc chết đến nay; không có việc chị C và chị V thờ cúng vì tại tòa cũng như trong suốt quá trình giải quyết vụ án phía chị C, anh M, anh T thừa nhận chị C xây nhà ở riêng, năm 2002 anh P xây nhà cho chị C xong thì ông V thuê anh P qua xây nhà phụ cho ông V, chị V có nhà riêng từ trước.

Nay trước yêu cầu khởi kiện của anh M, chị B, chị T, chị V, chị C, anh T.

Phía chị H không đồng ý chia vì các tài sản đó không phải là di sản của ông V, bà L để lại mà là tài sản của chị H được tặng cho riêng trước khi ông V, bà L mất. Tường rào bê tông giáp với chị C là của chị H bỏ tiền ra xây cách nay 01 năm. Đây là tài sản của chị H không chia; Nhà phụ của chị H tự bỏ tiền ra xây, không chia;

Tất cả là tài sản của cá nhân chị H có trước khi ông V, bà L chết. Ông V, bà L chết không để lại di sản. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh M, anh T, chị B, chị T, chị C, chị L, chị V. Chị H cũng không chấp nhận chuyển nhượng đất cho chị V. Trước khi chết ông V, bà L cũng đã tặng đất cho anh T, anh M, chị C, chị V, anh C xong giống như chị H.

Hiện nay nhà đất, chị H đã làm thủ tục sang nhượng cho anh H. Nhà xây cách nay 49 năm đã xuống cấp, không còn sử dụng được vì tường, thép đã bị bong tróc, sập bất cứ lúc nào.

Về chi phí đám tang chị H bỏ ra thì không yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét vì đây là trách nhiệm làm con của chị H.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đặng Văn S và anh Đặng Văn C trình bày*:

Thống lời trình bày của chị H và anh T về tài sản tranh chấp là tài sản của chị H không phải là di sản của cha mẹ để lại. Chị H được cha mẹ thống nhất cho lúc còn sống nên đây không còn là di sản nữa mà là tài sản của cá nhân chị H. Trước đây cha có thống nhất họp anh em giao nhà đất cho anh T nhưng anh T không chịu nhận nên cha đã quyết định tặng cho chị H. Anh T, chị C đã thừa nhận ai ở nhà thờ thì tài sản trên đất và trong nhà là của người đó. Chị H ở nhà này từ lúc sinh ra đến giờ và là người chăm sóc cha mẹ lúc còn sống cũng như trực tiếp thờ cúng. Chị C, chị V hoàn toàn không thờ cúng và cũng không có ở chung với chị H trong nhà này.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đặng Văn T có yêu cầu độc lập trình bày*:

Thống nhất lời trình bày và yêu cầu khởi kiện của anh M. Anh vẫn giữ nguyên yêu cầu chia di sản theo đơn kiện và thống nhất giá Hội đồng đã định. Về chi phí ma chay, xây mồ thống nhất giá của anh M là 30.000.000 đồng nhưng đây là tiền của cha mẹ anh khi còn sống gửi ngân hàng rồi khi chết chị H rút ra chi tiêu cho ma chay. Nếu chị H không thờ cúng thì anh sẽ mua lại nhà đất giá 500.000.000 đồng. Anh thừa nhận trước đây khi ông V còn sống gia đình anh có họp anh em để thống nhất giao nhà đất cho anh quản lý, vì bận việc nên chưa nhận nhà thờ. Sau đó cha mẹ làm thủ tục cho chị H thì anh hoàn toàn không biết. Anh thừa nhận trước khi chết cha có nói « *Ai ở nhà thờ thì tất cả nhà thờ và đồ trong nhà là của người đó, chị H là người ở nhà thờ* ».

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Đặng Thị C có yêu cầu độc lập trình bày:* Chị thống nhất lời trình bày của anh M và thừa nhận khi cha còn sống có nói « *Ai ở nhà thờ thì nhà của người đó* ».

Chị vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, xin nhận bằng giá trị và nếu chị H đồng ý thì chị sẽ mua lại đất với giá quy định để làm nhà thờ với căn cứ là: Nhà theo giấy chứng nhận của Ủy ban nhân dân thị xã thì thể hiện nhà chưa được cấp sở hữu. Đối với mái che phía trước nhà thì để chị và chị H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tiền ma chay, xây mồ thì không yêu cầu giải quyết vì đây là bổn phận của chị.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị C, anh Đặng Hoàng M, chị Đặng Thị Ngọc T, chị Đặng Thị Cẩm T trình bày*:

Nhà đất ông V, bà L đã tặng cho chị H thì thuộc quyền của chị H.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần Đức H trình bày:*

Anh sang nhượng nhà đất của chị H, làm xong hợp đồng chuyển nhượng và không ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của anh M.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 45/2018/DS-ST ngày 23/4/2018 của Tòa án nhân dân thị xã G quyết định căn cứ các điều 35, 39, 92, 138, 139, 147, 156, 157, 158, 160, 161, 227, 228, 229 Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 633, 635, 636, 674, 678, 679 Bộ luật dân sự năm 2005; các điều 9, 10, 11, 49, 50 Luật đất đai năm 2003; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đặng Văn M về việc yêu cầu chia di sản thừa kế gồm:

- 01 căn nhà chính: Cấu trúc 02 tầng, cột bê tông, vách tường, nền gạch bông, sàn bê tông, mái bê tông. Diện tích tầng trệt là 84.96 m^2. Diện tích tầng lầu là 77.74 m^2. Tổng diện tích là 162.7 m^2.
- Nhà phụ.
- Hàng rào lưới B40 phía trước nhà.

Nhà thuộc thửa đất số 06, tờ bản đồ số 02, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà tài sản trên đất số C do Ủy ban nhân dân thị xã G cấp ngày 30 tháng 6 năm 2015 cho chị Đặng Thị Mỹ H đứng tên. Địa chỉ nhà: ấp G, xã L, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

- 01 tủ thờ bằng gỗ 03 trụ không cẩn;
- 02 bộ chân đèn bằng gỗ;
- 01 tủ búp phê bằng gỗ đã cũ;
- 01 bộ lư bằng;
- 01 bộ bàn ghế gỗ hình chữ U có 06 ghế;
- 02 tủ gỗ chứa quần áo đã cũ;
- 02 tủ ly bằng gỗ cũ, bể kiếng;
- 02 đi văng bằng gỗ đã cũ;

- 04 cái hồ chứa nước đã cũ.

Thành 11 kỷ phần và hưởng 1/11 kỷ phần bằng giá trị là đồng Việt Nam 44.674.473 đồng (*Bốn mươi bốn triệu sáu trăm bảy mươi bốn nghìn bốn trăm bảy mươi ba đồng*);

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị V về việc yêu cầu chia di sản thừa kế gồm:

- 01 căn nhà chính: Cấu trúc 02 tầng, cột bê tông, vách tường, nền gạch bông, sàn bê tông, mái bê tông. Diện tích tầng trệt là 84.96 m^2. Diện tích tầng lầu là 77.74 m^2. Tổng diện tích là 162.7 m^2.
- Nhà phụ.
- Hàng rào lưới B40 phía trước nhà.

Nhà thuộc thửa đất số 06, tờ bản đồ số 02, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà tài sản trên đất số C do Ủy ban nhân dân thị xã G cấp ngày 30 tháng 6 năm 2015 cho chị Đặng Thị Mỹ H đứng tên. Địa chỉ nhà: ấp G T, xã L, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

- 01 tủ thờ bằng gỗ 03 trụ không cẩn;
- 02 bộ chân đèn bằng gỗ;
- 01 tủ búp phê bằng gỗ đã cũ;
- 01 bộ lư bằng;
- 01 bộ bàn ghế gỗ hình chữ U có 06 ghế;
- 02 tủ gỗ chứa quần áo đã cũ;
- 02 tủ ly bằng gỗ cũ, bể kiếng;
- 02 đi văng bằng gỗ đã cũ;
- 04 cái hồ chứa nước đã cũ.

Thành 11 kỷ phần và hưởng 1/11 kỷ phần bằng giá trị là đồng Việt Nam 44.674.473 đồng (*Bốn mươi bốn triệu sáu trăm bảy mươi bốn nghìn bốn trăm bảy mươi ba đồng*);

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị B về việc yêu cầu chia di sản thừa kế gồm:

- 01 căn nhà chính: Cấu trúc 02 tầng, cột bê tông, vách tường, nền gạch bông, sàn bê tông, mái bê tông. Diện tích tầng trệt là 84.96 m^2. Diện tích tầng lầu là 77.74 m^2. Tổng diện tích là 162.7 m^2.
- Nhà phụ.
- Hàng rào lưới B40 phía trước nhà.

Nhà thuộc thửa đất số 06, tờ bản đồ số 02, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà tài sản trên đất số C do Ủy ban nhân dân thị xã G cấp ngày 30 tháng 6 năm 2015 cho chị Đặng Thị Mỹ H đứng tên. Địa chỉ nhà: ấp G, xã L, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

- 01 tủ thờ bằng gỗ 03 trụ không cẩn;

- 02 bộ chân đèn bằng gỗ;

- 01 tủ búp phê bằng gỗ đã cũ;

- 01 bộ lư bằng;

- 01 bộ bàn ghế gỗ hình chữ U có 06 ghế;

- 02 tủ gỗ chứa quần áo đã cũ;

- 02 tủ ly bằng gỗ cũ, bể kiếng;

- 02 đi văng bằng gỗ đã cũ;

- 04 cái hồ chứa nước đã cũ.

Thành 11 kỷ phần và hưởng 1/11 kỷ phần bằng giá trị là đồng Việt Nam 44.674.473 đồng (*Bốn mươi bốn triệu sáu trăm bảy mươi bốn nghìn bốn trăm bảy mươi ba đồng*);

4. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị T về việc yêu cầu chia di sản thừa kế gồm:

- 01 căn nhà chính: Cấu trúc 02 tầng, cột bê tông, vách tường, nền gạch bông, sàn bê tông, mái bê tông. Diện tích tầng trệt là 84.96 m^2. Diện tích tầng lầu là 77.74 m^2. Tổng diện tích là 162.7 m^2.

- Nhà phụ.

- Hàng rào lưới B40 phía trước nhà.

Nhà thuộc thửa đất số 06, tờ bản đồ số 02, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà tài sản trên đất số C do Ủy ban nhân dân thị xã G g cấp ngày 30 tháng 6 năm 2015 cho chị Đặng Thị Mỹ H đứng tên. Địa chỉ nhà: ấp G, xã L, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

- 01 tủ thờ bằng gỗ 03 trụ không cẩn;

- 02 bộ chân đèn bằng gỗ;

- 01 tủ búp phê bằng gỗ đã cũ;

- 01 bộ lư bằng;

- 01 bộ bàn ghế gỗ hình chữ U có 06 ghế;

- 02 tủ gỗ chứa quần áo đã cũ;

- 02 tủ ly bằng gỗ cũ, bể kiếng;

- 02 đi văng bằng gỗ đã cũ;

- 04 cái hồ chứa nước đã cũ.

Thành 11 kỷ phần và hưởng 1/11 kỷ phần bằng giá trị là đồng Việt Nam 44.674.473 đồng (*Bốn mươi bốn triệu sáu trăm bảy mươi bốn nghìn bốn trăm bảy mươi ba đồng*);

5. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị C về việc yêu cầu chia di sản thừa kế gồm:

- 01 căn nhà chính: Cấu trúc 02 tầng, cột bê tông, vách tường, nền gạch bông, sàn bê tông, mái bê tông. Diện tích tầng trệt là 84.96 m^2. Diện tích tầng lầu là 77.74 m^2. Tổng diện tích là 162.7 m^2.

- Nhà phụ.

- Hàng rào lưới B40 phía trước nhà.

Nhà thuộc thửa đất số 06, tờ bản đồ số 02, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà tài sản trên đất số C do Ủy ban nhân dân thị xã G cấp ngày 30 tháng 6 năm 2015 cho chị Đặng Thị Mỹ H đứng tên. Địa chỉ nhà: ấp G, xã L, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

- 01 tủ thờ bằng gỗ 03 trụ không cẩn;

- 02 bộ chân đèn bằng gỗ;

- 01 tủ búp phê bằng gỗ đã cũ;

- 01 bộ lư bằng;

- 01 bộ bàn ghế gỗ hình chữ U có 06 ghế;

- 02 tủ gỗ chứa quần áo đã cũ;

- 02 tủ ly bằng gỗ cũ, bể kiếng;

- 02 đi văng bằng gỗ đã cũ;

- 04 cái hồ chứa nước đã cũ.

Thành 11 kỷ phần và hưởng 1/11 kỷ phần bằng giá trị là đồng Việt Nam 44.674.473 đồng (*Bốn mươi bốn triệu sáu trăm bảy mươi bốn nghìn bốn trăm bảy mươi ba đồng*);

6. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị Mỹ L về việc yêu cầu chia di sản thừa kế gồm:

- 01 căn nhà chính: Cấu trúc 02 tầng, cột bê tông, vách tường, nền gạch bông, sàn bê tông, mái bê tông. Diện tích tầng trệt là 84.96 m^2. Diện tích tầng lầu là 77.74 m^2. Tổng diện tích là 162.7 m^2.

- Nhà phụ.

- Hàng rào lưới B40 phía trước nhà.

Nhà thuộc thửa đất số 06, tờ bản đồ số 02, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà tài sản trên đất số C do Ủy ban nhân dân thị xã G cấp ngày 30 tháng 6 năm 2015 cho chị Đặng Thị Mỹ H đứng tên. Địa chỉ nhà: ấp G, xã L, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

- 01 tủ thờ bằng gỗ 03 trụ không cẩn;

- 02 bộ chân đèn bằng gỗ;

- 01 tủ búp phê bằng gỗ đã cũ;

- 01 bộ lư bằng;

- 01 bộ bàn ghế gỗ hình chữ U có 06 ghế;

- 02 tủ gỗ chứa quần áo đã cũ;

- 02 tủ ly bằng gỗ cũ, bể kiếng;

- 02 đi văng bằng gỗ đã cũ;

- 04 cái hồ chứa nước đã cũ.

Thành 11 kỷ phần và hưởng 1/11 kỷ phần bằng giá trị là đồng Việt Nam 44.674.473 đồng (*Bốn mươi bốn triệu sáu trăm bảy mươi bốn nghìn bốn trăm bảy mươi ba đồng*);

7. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đặng Văn T về việc yêu cầu chia di sản thừa kế gồm:

- 01 căn nhà chính: Cấu trúc 02 tầng, cột bê tông, vách tường, nền gạch bông, sàn bê tông, mái bê tông. Diện tích tầng trệt là 84.96 m^2. Diện tích tầng lầu là 77.74 m^2. Tổng diện tích là 162.7 m^2.

- Nhà phụ.

- Hàng rào lưới B40 phía trước nhà.

Nhà thuộc thửa đất số 06, tờ bản đồ số 02, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà tài sản trên đất số C do Ủy ban nhân dân thị xã G cấp ngày 30 tháng 6 năm 2015 cho chị Đặng Thị Mỹ H đứng tên. Địa chỉ nhà: ấp G, xã L, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

- 01 tủ thờ bằng gỗ 03 trụ không cẩn;

- 02 bộ chân đèn bằng gỗ;

- 01 tủ búp phê bằng gỗ đã cũ;

- 01 bộ lư bằng;

- 01 bộ bàn ghế gỗ hình chữ U có 06 ghế;

- 02 tủ gỗ chứa quần áo đã cũ;

- 02 tủ ly bằng gỗ cũ, bể kiếng;

- 02 đi văng bằng gỗ đã cũ;

- 04 cái hồ chứa nước đã cũ.

Thành 11 kỷ phần và hưởng 1/11 kỷ phần bằng giá trị là đồng Việt Nam 44.674.473 đồng (*Bốn mươi bốn triệu sáu trăm bảy mươi bốn nghìn bốn trăm bảy mươi ba đồng*);

* Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên án phí và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

* Ngày 24/4/2018, nguyên đơn Đặng Văn M và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đặng Thị B, Đặng Thị T, Đặng Thị C, Đặng Thị V,

Đặng Văn T, Đặng Thị Mỹ L kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm yêu cầu chấp nhận khởi kiện và yêu cầu độc lập của các đương sự.

Tại phiên tòa, anh Đặng Văn M là nguyên đơn và là người đại diện theo ủy quyền của chị Đặng Thị B, chị Đặng Thị T, chị Đặng Thị V, chị Đặng Thị Mỹ L xác định cụ ông Đặng Văn V chết năm 2016 có vợ là cụ bà Phan Thị L có tất cả 11 người con gồm: 1. Ông Đặng Văn B chết năm 2016 có vợ là bà Trần Thị C có 03 người con gồm chị Đặng Thị Ngọc C, chị Đặng Thị Ngọc T, anh Đặng Hoàng M; 2. Đặng Thị B; 3. Đặng Thị T; 4. Đặng Thị C; 5. Đặng Thị V; 6. Đặng Văn S; 7. Đặng Văn T; 8. Đặng Văn C; 9. Đặng Văn M; 10. Đặng Thị Mỹ L; 11. Đặng Thị Mỹ H. Di sản của cụ V và cụ L để lại gồm có: 01 căn nhà chính, nhà phụ, hàng rào lưới B40; tài sản trong nhà có 01 tủ thờ bằng gỗ 03 trụ không cẩn, 02 bộ chân đèn bằng gỗ; 01 tủ búp phê bằng gỗ, 01 bộ lư bằng đồng, 01 bộ bàn ghế gỗ hình chữ U có 06 ghế, 02 tủ gỗ đựng quần áo, 02 tủ ly bằng gỗ cũ, 02 đi văng bằng gỗ, 04 cái hồ chứa nước hiện nay tài sản do chị H quản lý. Anh M không yêu cầu chia tủ thờ, bộ lư, chân đèn. Tổng giá trị tài sản trên chia thành 11 kỷ phần.

Chị Đặng Thị C và anh Đặng Văn T thống nhất với ý kiến của anh Đặng Văn M.

Anh Huỳnh Ngọc T là đại diện theo ủy quyền của chị Đặng Thị Mỹ H cho rằng trước khi chết cụ V và cụ L có họp gia đình thống nhất tặng cho chị H nhà và tài sản trên đất, vật dụng trong nhà như anh M trình bày.

Anh Đặng Văn S và Đặng Văn C thống nhất với lời trình bày của anh T.

Luật sư Lê Thành Đ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh Đăng Văn M có nhiều lập luận cho rằng phía chị H không chứng minh được việc cụ V và cụ L tặng cho nhà và tài sản trong nhà nên xác định nhà chính, nhà phụ và tài sản trong nhà là di sản của cụ V và cụ L, căn cứ Điều 651 của Bộ luật dân sự chia thừa kế theo pháp luật, căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý, Thẩm phán và Hội đồng xét xử chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Anh T đại diện cho chị H không chứng minh được cụ V, cụ L tặng cho nhà và tài sản trong nhà cho chị H, hàng thừa kế của cụ V và cụ L gồm 11 người, chi phí mai táng không yêu cầu, chị H có công nuôi dưỡng cụ V và cụ L nên chia cho chị H thêm 01 kỷ phần, giữ nguyên quyết định kê biên khẩn cấp tạm thời, giá trị tài sản chia thành 12 kỷ phần, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 chấp nhận yêu cầu kháng cáo, sửa án sơ thẩm số 45/2018/DS-

ST ngày 23/4/2018 của Tòa án nhân dân thị xã G, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh M, chị C, chị B, chị T, chị V, chị L, anh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Anh M, chị B, chị V, chị C, chị L, anh T khởi kiện yêu cầu chia thừa kế là thuộc thẩm quyền của Tòa án theo quy định tại Điều 26 và Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa anh M, chị B, chị V, chị C, chị L, anh T với chị H là tranh chấp dân sự về thừa kế theo pháp luật được quy định tại Điều 674, Điều 733 của Bộ luật dân sự.

Bà Trần Thị C, anh Đặng Hoàng M, chị Đặng Thị Ngọc T, chị Đặng Thị Cẩm T, anh Trần Đức H, anh Huỳnh Đình T, anh Phan Văn N, anh Lê Minh P, bà Nguyễn Thị X, bà Trần Thị D cùng có yêu cầu vắng mặt nên căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xử vắng mặt.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu kháng cáo của anh M, chị B, chị V, chị C, chị L, anh T về việc yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật của cụ Đặng Văn V và cụ Phạm Thị L. Cụ L và cụ V chết không để lại di chúc, di sản của cụ V và cụ L để lại gồm có: 01 căn nhà chính cấu trúc 02 tầng, cột bê tông, vách tường, nền gạch bông, sàn bê tông, mái bê tông, diện tích tầng trệt là 84,96m^2, diện tích tầng lầu là 77,74m^2. Tổng diện tích 162,7m^2; Nhà phụ, hàng rào lưới B40, nhà thuộc thửa đất số 06, tờ bản đồ số 02, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà tài sản trên đất số C do Ủy ban nhân dân thị xã G cấp ngày 30 tháng 6 năm 2015 cho bà Đặng Thị Mỹ H đứng tên, địa chỉ nhà ấp G, xã L, thị xã G, tỉnh Tiền Giang; 01 tủ thờ bằng gỗ 03 trụ không cẩn, 02 bộ chân đèn bằng gỗ, 01 tủ búp phê bằng gỗ đá cụ, 01 bộ lư đồng, 01 bộ bàn ghế gỗ hình chữ U có 06 ghế, 02 tủ đựng quần áo đã cũ, 02 tủ ly bằng gỗ bể kiếng, 02 đi văng bằng gỗ đã cũ, 04 cái hồ chứa nước đã cũ.

Căn cứ vào giấy trích lục khai tử số 05/TLKT-BS ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Ủy ban nhân dân xã L, thị xã G, tỉnh Tiền Giang thì xác định ông Đặng Văn V chết ngày 10 tháng 6 năm 2016 nên thời hiệu khởi kiện chia thừa kế di sản của ông V vẫn còn.

Căn cứ trích lục khai tử số 06/HT ngày 06 tháng 10 năm 2017 của Ủy ban nhân dân xã L, thị xã G, tỉnh Tiền Giang thì xác định bà Phan Thị L chết ngày 05 tháng 8 năm 2013 thì vụ án còn trong thời hiệu khởi kiện.

Xác định thời điểm mở thừa kế di sản của cụ V tính từ ngày 10 tháng 6 năm 2016, thời điểm mở thừa kế của cụ L tính từ ngày 05 tháng 8 năm 2013.

Căn cứ vào biên bản xác minh ngày 16 tháng 01 năm 2017 của Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Tiền Giang tại Công an thị xã G xác nhận trong hồ sơ lý lịch và tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự đều thống nhất cụ L và cụ V có 11 người con gồm: ông Đặng Văn B, chết ngày 28 tháng 5 năm 2016 có vợ là bà Trần Thị C và các con là Đặng Thị Ngọc C, Đặng Thị Ngọc T, Đặng Hoàng M; Đặng Thị B; Đặng Thị T; Đặng Thị C; Đặng Thị V; Đặng Văn S; Đặng Văn T; Đặng Văn C; Đặng Văn M; Đặng Thị Mỹ L; Đặng Thị Mỹ H. Như vậy, xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ V và cụ L gồm ông Đặng Văn B, Đặng Thị B, Đặng Thị T, Đặng Thị V, Đặng Thị C, Đặng Văn S, Đặng Văn T, Đặng Văn C, Đặng Văn M, Đặng Thị Mỹ L, Đặng Thị Mỹ H. Ông Đặng Văn B chết trước cụ V nên chị T, chị C, anh M là hàng thừa kế thế vị. Ông B chết sau cụ L nên bà C, chị T, chị C, anh M là hàng thừa kế của ông B.

Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ, hồ sơ cấp quyền sử dụng đất của chị Đặng Thị Mỹ H vào ngày 07 tháng 8 năm 2012, chị H là người cụ V và cụ L đồng ý cho đo đạc phần đất vườn và đất ở. Khi đo đạc thì có anh Đặng Văn C và chị Đặng Thị V có ký tên thống nhất ranh giới đất. Đến ngày 10 tháng 8 năm 2012, cụ V và cụ L thống nhất làm hợp đồng tặng cho chị H toàn bộ diện tích 2.943m^2 đất, trên thửa đất có căn nhà kiên cố và công trình hàng rào lưới B40. Hai bên có ký hợp đồng tặng cho tại Phòng công chứng B tỉnh Tiền Giang. Ngày 10 tháng 8 năm 2012, hồ sơ tặng cho của chị H được Ủy ban nhân dân xã L xác nhận tình trạng đất không có tranh chấp, ngày 01 tháng 9 năm 2012 Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thống nhất duyệt hồ sơ phù hợp luật đất đai năm 2003. Ngày 06 tháng 9 năm 2012 chị H được Ủy ban nhân dân thị xã G cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. Sau đó, chị H chuyển nhượng toàn bộ phần đất lúa cho người khác để lấy tiền nuôi cụ V. Ngày 30 tháng 6 năm 2015, chị H được Ủy ban nhân dân thị xã G cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với thửa đất số 06, tờ bản đồ số 02, diện tích 351,7m^2 trong đó có 230m^2 đất ở nông thôn và 121,7m^2 đất trồng cây lâu năm.

Tại phiên tòa, anh M, chị C, anh T thừa nhận đất là của chị H đã được tặng cho, nhà và tài sản trên đất (trừ hàng rào bê tông giáp với chị C là của chị H) tủ, bàn, ghế, hồ nước là di sản nên yêu cầu chia.

Anh S, anh C cùng thống nhất đất, nhà và tài sản trên là của cụ V, cụ L tặng cho chị H, do nhà từ khi xây dựng chưa có làm giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà, căn nhà được xây dựng trên thửa số 02, ngày 06 tháng 10 năm 2003, cụ ông Đặng Văn V được Ủy ban nhân dân thị xã G cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 2.943m^2 (thửa 363 diện tích 2.500m^2 đất lúa, thửa số 02 diện tích 443m^2 loại đất vườn trong đó đất ở 230m^2). Đến ngày 10 tháng 8 năm 2012, cụ V và cụ L làm hợp đồng tặng cho toàn bộ diện tích 2.943m^2 cho chị H do chị H là người trực tiếp chăm sóc cha mẹ. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào Điều 92

của Bộ luật tố tụng dân sự xác định nhà chính, nhà phụ, hàng rào lưới B40, 01 tủ thờ, 02 bộ chân đèn, 01 tủ búp phê, 01 bàn chữ U và 06 ghế, 02 tủ đựng quần áo, 02 tủ ly, 02 đi văng, 04 hồ chứa nước là tài sản của chị H đã được cụ V và cụ L tặng cho, cụ V và cụ L chết không để lại di sản là có căn cứ. Do vậy, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh M, chị C, chị V, chị B, chị T, anh T, chị L, giữ nguyên bản án số: 45/2018/DS-ST ngày 23/4/2018 của Tòa án nhân dân thị xã G.

[3] Xét lập luận và đề nghị của luật sư không phù hợp với nhận định trên, do đó không chấp nhận.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang không phù hợp nhận định trên, do đó không chấp nhận.

[5] Về án phí: Yêu cầu kháng cáo của các đương sự không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Đặng Văn M, chị Đặng Thị C, chị Đặng Thị T, chị Đặng Thị V, chị Đặng Thị B, chị Đặng Thị Mỹ L, anh Đặng Văn T. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 45/2018/DS-ST ngày 23/4/2018 của Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh anh Đặng Văn M, chị Đặng Thị C, chị Đặng Thị T, chị Đặng Thị V, chị Đặng Thị B, chị Đặng Thị Mỹ L, anh Đặng Văn T về việc yêu cầu chia di sản thừa kế.

2. Về án phí:

- Anh Đặng Văn M phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào số tiền 1.570.000 đồng theo biên lai 42051 ngày 11/9/2017 và biên lai số 42131 ngày 16/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã G, tỉnh Tiền Giang. Như vậy, anh M được hoàn lại số tiền chênh lệch là 1.270.000 đồng.

- Anh Đặng Văn M phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm được trừ vào biên lai số 42458 ngày 26/4/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã G.

- Chị Đặng Thị V phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào số tiền 1.570.000 đồng theo biên lai 42105 ngày 28/9/2017 và biên lai số 42133 ngày 16/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã G, tỉnh Tiền Giang. Như vậy, chị V được hoàn lại số tiền chênh lệch là 1.270.000 đồng.

- Chị Đặng Thị V phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 42454 ngày 26/4/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã G.

- Chị Đặng Thị B phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào số tiền 1.570.000 đồng tại các biên lai số 42107 ngày 28/9/2017 và biên lai số 42135 ngày 16/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã G, tỉnh Tiền Giang. Như vậy, chị B được hoàn lại số tiền chênh lệch là 1.270.000 đồng.

- Chị Đặng Thị B phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 42457 ngày 26/4/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã G.

- Chị Đặng Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào số tiền 1.570.000 đồng tại các biên lai số 42108 ngày 28/9/2017 và biên lai số 42136 ngày 16/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã G, tỉnh Tiền Giang. Như vậy, chị T được hoàn lại số tiền chênh lệch là 1.270.000 đồng.

- Chị Đặng Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 42456 ngày 26/4/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã G.

- Chị Đặng Thị C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào số tiền 1.570.000 đồng tại các biên lai số 42103 ngày 28/9/2017 và biên lai số 42132 ngày 16/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã G. Như vậy, chị C được hoàn lại số tiền 1.270.000 đồng.

- Chị Đặng Thị C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 42455 ngày 26/4/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã G.

- Chị Đặng Thị Mỹ L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào số tiền 1.570.000 đồng tại các biên lai số 42104 ngày 28/9/2017 và biên lai số 42134 ngày 16/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã G, tỉnh Tiền Giang. Như vậy, chị L được hoàn lại số tiền chênh lệch là 1.270.000 đồng.

- Chị Đặng Thị Mỹ L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 42459 ngày 26/4/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã G.

- Anh Đặng Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào số tiền 1.570.000 đồng tại các biên lai số 42106 ngày 28/9/2017 và biên lai số 42137 ngày 16/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã G, tỉnh Tiền Giang. Như vậy, anh T được hoàn lại số tiền chênh lệch là 1.270.000 đồng.

- Anh Đặng Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu 42460 ngày 26/4/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã G.

3. Về chi phí tố tụng:

Anh Đặng Văn M phải chịu 600.000 đồng chi phí định giá được trừ vào tạm ứng anh M đã nộp.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Án tuyên vào lúc 08 giờ 10 phút ngày 06/8/2018 có mặt anh M, anh T, chị C, anh S, anh T./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND TX G;
- CC THADS TX G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Sâm Hương